Tên: Huỳnh Viết Tuấn Kiệt

MSSV: 20521494

BÁO CÁO LAB3 THỰC HÀNH NHẬP MÔN MẠNG MÁY TÍNH

CÂU 1: Cấu hình địa chị IP cho máy chủ WinSV 2006

ternet Protocol Version 4 (TCP/IPv	4) Properties
eneral	
You can get IP settings assigned aut this capability. Otherwise, you need for the appropriate IP settings.	
Obtain an IP address automatic	ally
Use the following IP address:	
IP address:	192 . 168 . 100 . 1
Subnet mask:	255 . 255 . 255 . 0
Default gateway:	192 . 168 . 100 . 1
Obtain DNS server address auto	omatically
Use the following DNS server ac	ddresses:
Preferred DNS server:	192 . 168 . 100 . 1
Alternate DNS server:	
Validate settings upon exit	Advanced
	OK Cance

```
Connection-specific DNS Suffix :

Description . . . . . : Intel(R) PRO/1000 MT Desktop Adapter
Physical Address . . . : 08-00-27-DE-6A-78

DHCP Enabled . . . . : No
Autoconfiguration Enabled . : Yes
Link-local IPv6 Address . : fe80::f00c:e5a2:ba23:9602%3(Preferred)

IPv4 Address . . : 192.168.100.1(Preferred)

Subnet Mask . . : 255.255.255.0

Default Gateway . : 0.0.0.0

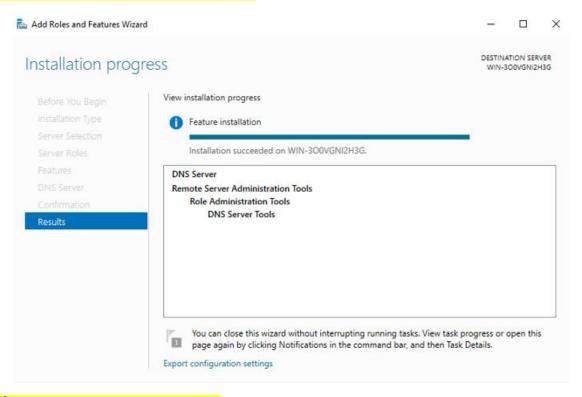
DHCPv6 IAID . : 50855975

DHCPv6 Client DUID . : 00-01-00-01-29-03-E7-C6-08-00-27-DE-6A-78

DNS Servers . : 192.168.100.1

NetBIOS over Tcpip . : Enabled
```

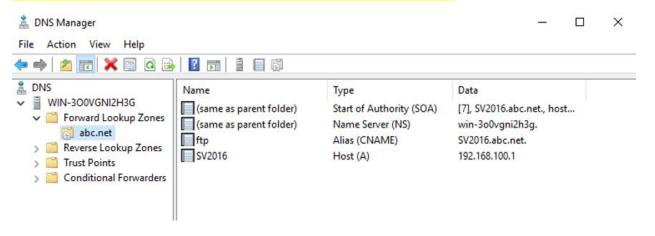
CÂU 2: Cài đặt DNS Server



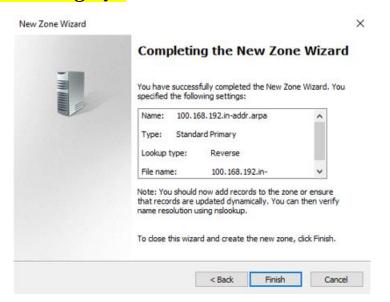
CÂU 3: Tạo Zone thuận



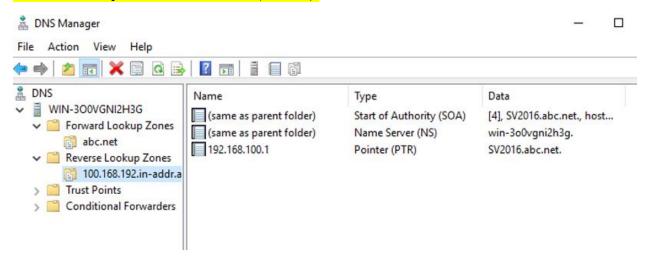
CÂU 4: Tạo RR Host (A) và Alias (CNAME)



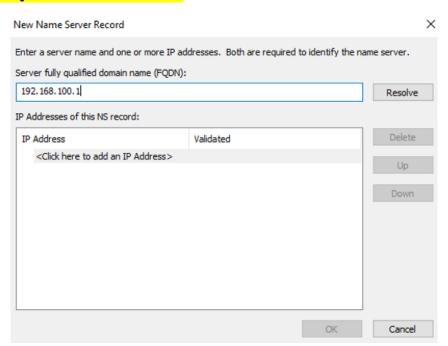
CÂU 5: Tạo Zone ngược

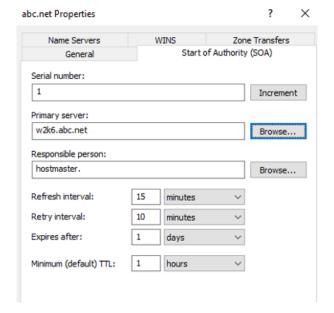


CÂU 6: Tạo RR Pointer (RRT)



CÂU 7: Hiệu chỉnh các RR





CÂU 8: Kiểm tra sự hoạt động bằng lệnh nslookup

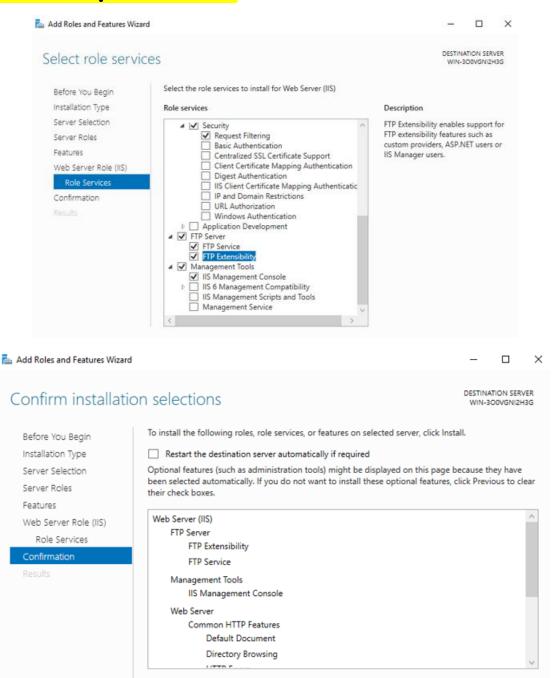
a) Tại máy chủ DNS Server

```
C:\Users\Administrator>nslookup
Default Server: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
> set type=NS
> SV2016.abc.net
Server: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
abc.net
       primary name server = SV2016.abc.net
       responsible mail addr = hostmaster
       serial = 7
        refresh = 900 (15 mins)
       retry = 600 (10 mins)
       expire = 86400 (1 day)
       default TTL = 3600 (1 hour)
> set type=any
> SV2016.abc.net
Server: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
SV2016.abc.net internet address = 192.168.100.1
> set type=ptr
> 192.168.100.1
Server: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
1.100.168.192.in-addr.arpa
                             name = SV2016.abc.net
```

b) Tại máy khách DNS Client

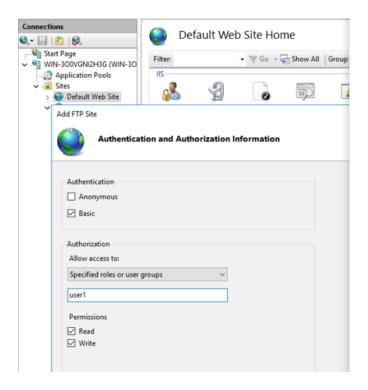
```
C:\Users\PC>nslookup
Default Server: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
> set type=A
> SV2016.abc.net
Server: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
DNS request timed out.
   timeout was 2 seconds.
Name: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
> set type=any
> SV2016.abc.net
Server: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
DNS request timed out.
   timeout was 2 seconds.
SV2016.abc.net internet address = 192.168.100.1
> set type=ptr
> 192.168.100.1
Server: SV2016.abc.net
Address: 192.168.100.1
1.100.168.192.in-addr.arpa name = SV2016.abc.net
> quit
```

CÂU 9: Cài đặt FTP Server

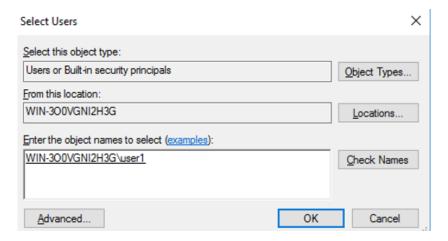


Export configuration settings Specify an alternate source path

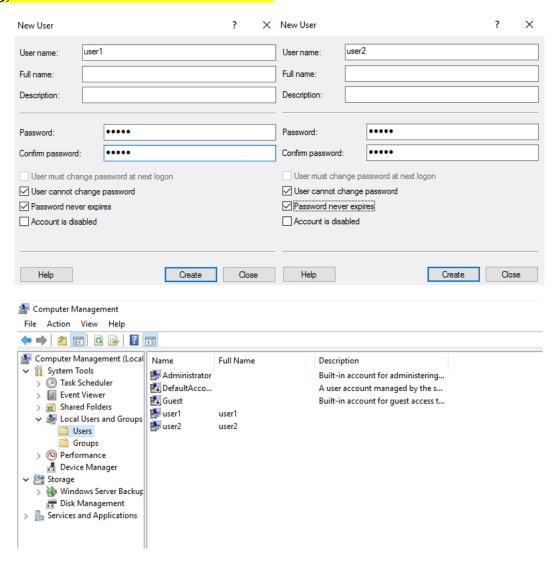
Câu 10. Cấu hình FTP Server



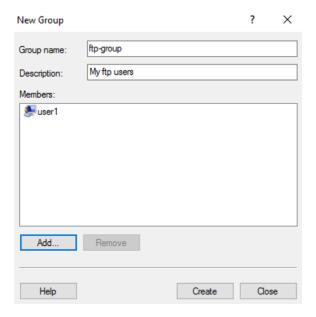
Câu 11. Tạo nhóm user



Câu 12. Tạo người dùng user1, user2 và đặt mật khẩu tương ứng, thêm use1 vào nhóm user

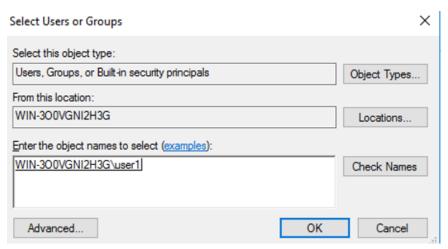


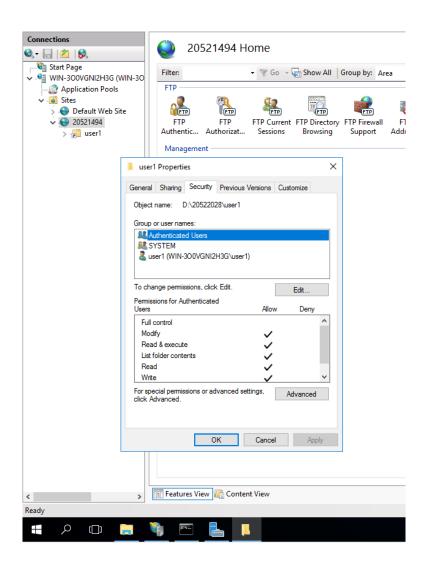
Tạo user1 và user2



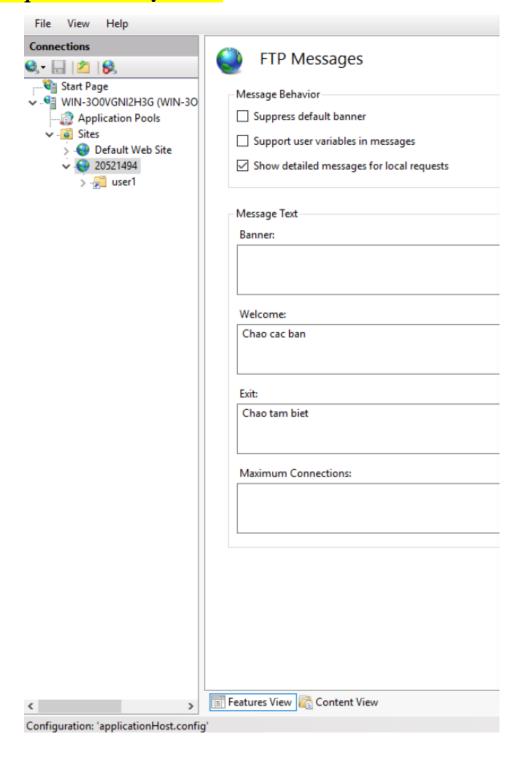
Thêm user1 vào nhóm user

Câu 13. Thết lập phân quyền người dùng user1 vào toàn quyền đối với thư mục trong FTP Site



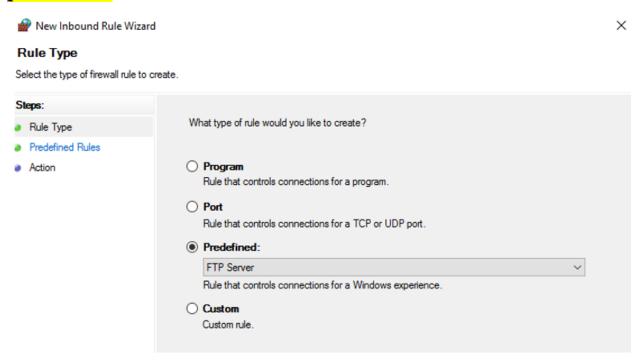


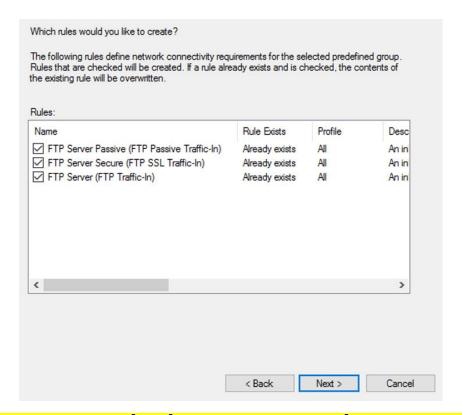
Câu 14. Thiết lập thông điệp chào mừng khi kết nối và thoát trong 1 phiên làm việc FTP



```
C:\>ftp
ftp> open 192.168.100.1
Connected to 192.168.100.1.
220 Microsoft FTP Service
200 OPTS UTF8 command successful - UTF8 encoding now ON.
User (192.168.100.1:(none)): user1
331 Password required
Password:
230-Chao cac ban
230 User logged in.
ftp> close
221 Chao tam biet
ftp> _
```

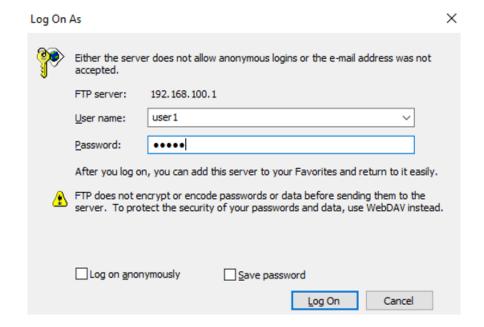
Câu 15. Thiết lập rule Firewall (xem cách thực hiện tại bước 5 phần FTP)

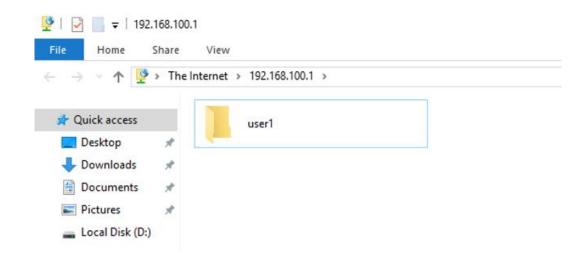




Câu 16. Thực hiện kết nối máy chủ FTP bằng 2 cách tại máy chủ FTP Server và tại máy khách FTP Client

1) Thực hiện kết nối máy chủ FTP bằng 2 cách tại máy chủ FTP Server a) Thông qua Explore





b) Thông qua cmd

```
ftp> open 192.168.100.1

Connected to 192.168.100.1.

220 Microsoft FTP Service

200 OPTS UTF8 command successful - UTF8 encoding now ON.

User (192.168.100.1:(none)): user1

331 Password required

Password:

230-Chao cac ban

230 User logged in.

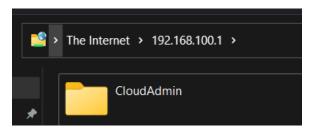
ftp> close

221 Goodbye

ftp> quit
```

2) Thực hiện kết nối máy chủ FTP bằng 2 cách tại máy chủ FTP Client

a) Thông qua Explore



b) Thông qua cmd

```
C:\Users\PC>ftp
ftp> open 192.168.100.1
Connected to 192.168.100.1.
220 Microsoft FTP Service
200 OPTS UTF8 command successful - UTF8 encoding now ON.
User (192.168.100.1:(none)): user1
331 Password required
Password:
230-Chao cac ban
230 User logged in.
ftp> close
221 Goodbye
ftp> _
```